



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH VĨNH PHÚC

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

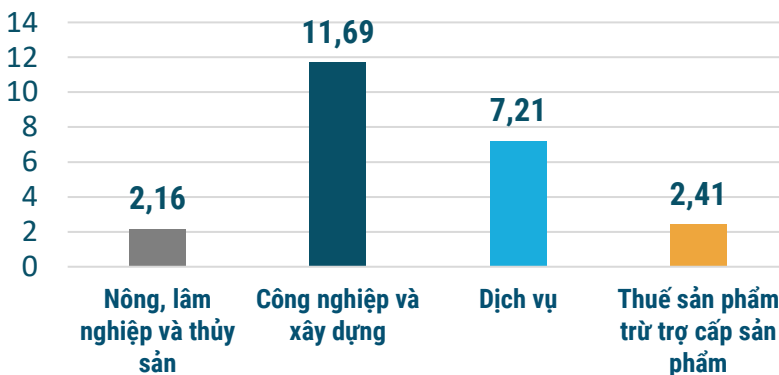


Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

7,95%



GRDP
9 tháng năm 2024



Chỉ tiêu một số ngành lĩnh vực 9 tháng đầu năm so cùng kỳ



▲ 4,45%

Sản lượng thịt hơi
xuất chuồng



▲ 12,67%

Chỉ số sản xuất
công nghiệp (IIP)



▲ 9,01%

Tổng mức bán lẻ hàng hóa
và dịch vụ tiêu dùng



Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách nhà nước ▲ 9,67%

Chi ngân sách nhà nước ▼ 5,88%

Tổng nguồn vốn huy động ▲ 3,15%

So với thời điểm 31/12/2023

Tổng dư nợ cho vay ▲ 6,51%

So với thời điểm 31/12/2023



Đầu tư, doanh nghiệp

Vốn đầu tư toàn xã hội ▲ 5,02%

Thu hút đầu tư FDI ▲ 3,44%

(vốn đăng ký)

Doanh nghiệp đăng ký
thành lập mới ▼ 1,53%



Xuất nhập khẩu

Xuất khẩu ▲ 12,58%

Nhập khẩu ▲ 26,37%



Chỉ số giá tiêu dùng

Tháng 9 so tháng trước ▲ 0,45%

Bình quân 9 tháng ▲ 2,66%

SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Năng suất một số cây trồng vụ mùa 2024

50,69 tạ/ha
▼ 10,39%



Lúa

39,15 tạ/ha
▼ 13,75%



Ngô

19,59 tạ/ha
▼ 5,45%



Lạc

193,93 tạ/ha
▼ 5,03%



Rau các loại

Sản lượng một số sản phẩm 9 tháng đầu năm 2024

▲ 4,45%



102.848 tấn
Tổng sản lượng
thịt hơi
xuất chuồng



▼ 3,30%
4.934 tấn

Thịt trâu, bò



▲ 8,35%
68.012 tấn

Thịt lợn



▼ 2,27%
29.901 tấn

Thịt gia cầm



▲ 9,87%
603 triệu quả

Trứng gia cầm



▲ 3,00%
45.830 tấn

Sữa bò



▲ 1,75%
18.846 tấn

Thủy sản

Diện tích rừng trồng mới

▼ 9,3%



600 ha

Sản lượng gỗ khai thác

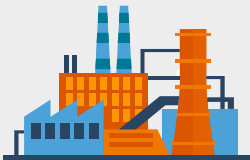
▲ 3,91%



35.941 m3

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ



IIP toàn ngành công nghiệp
9 tháng đầu năm

12,67%



Khai khoáng

▼ 22,15%



Chế biến, chế tạo

▲ 12,79%



Điện, khí đốt,
nước nóng

▲ 9,95%



Cung cấp nước,
xử lý rác thải

▼ 5,30%

Một số sản phẩm công nghiệp 9 tháng đầu năm 2024 so cùng kỳ

Xe ô tô



Chiếc

28.488

▼ 2,55%

Xe máy



Chiếc

1.269.929

▲ 9,00%

Dịch vụ sản xuất Linh kiện điện tử



tỷ đồng

119.244

▲ 8,71%

Gạch ốp lát



1000 m2

76.338

▲ 18,94%

Chỉ số tiêu thụ



▲ 5,88%

9T so với cùng kỳ

Chỉ số tồn kho

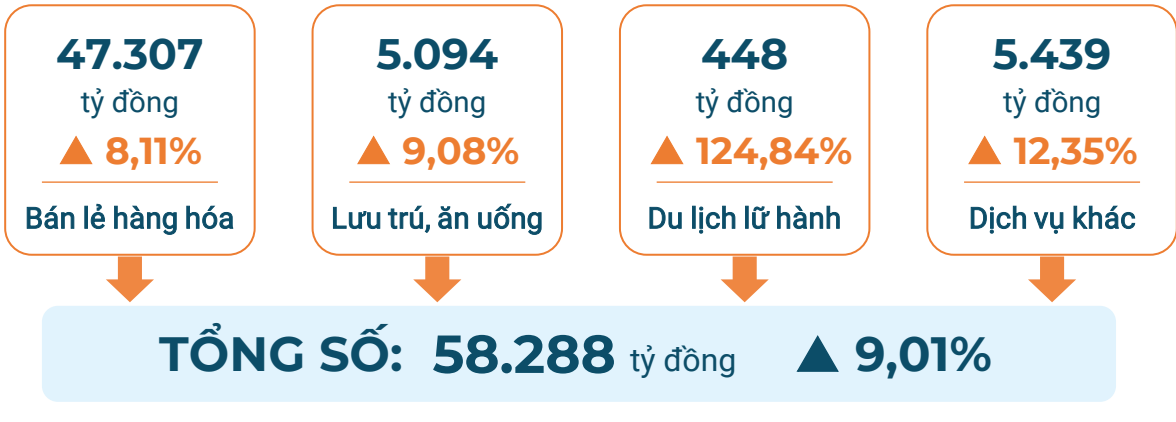


▼ 6,55%

T9/2024 so tháng trước

THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, CHỈ SỐ GIÁ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng đầu năm 2024



Vận tải 9 tháng đầu năm 2024



Vận tải hành khách

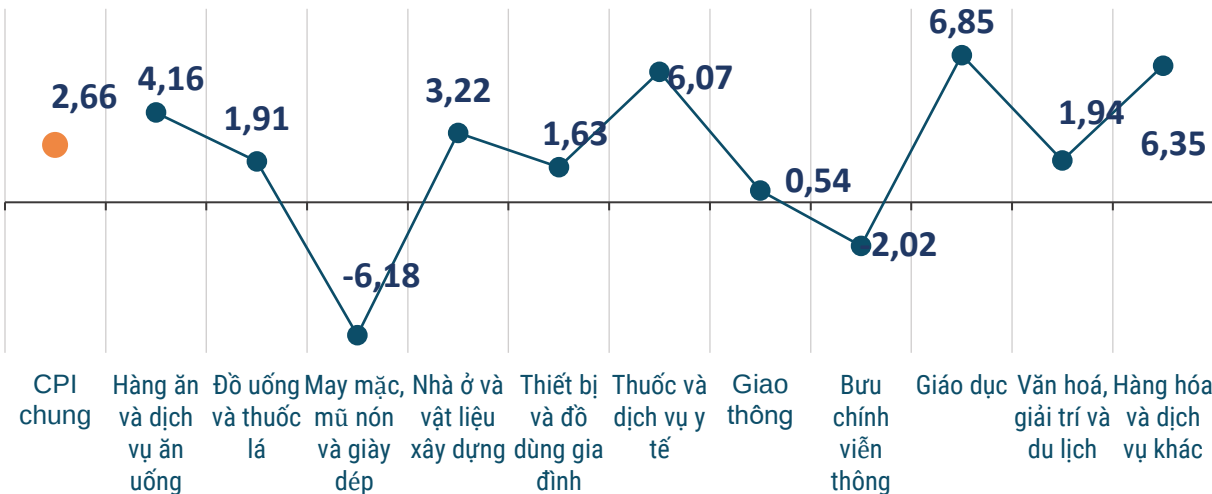
Vận chuyển ▲ **59,80%**
Luân chuyển ▲ **82,26%**



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển ▲ **1,45%**
Luân chuyển ▲ **43,87%**

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2024



TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH, BẢO HIỂM

Thu, chi ngân sách nhà nước tính đến 15/9/2024 so cùng kỳ

18.192 tỷ đồng

▲ 9,67%

Thu Ngân sách NN



16.988 tỷ đồng

▼ 3,88%

Chi Ngân sách NN

Hoạt động ngân hàng, tín dụng tính đến ngày 15/9/2024

136.500 tỷ đồng tổng dư nợ cho vay, tăng 6,51% so với cuối năm 2023

130.200 tỷ đồng tổng nguồn vốn huy động, tăng 3,15% so với cuối năm 2023

Tỷ lệ nợ xấu **1,06%**



Hoạt động bảo hiểm

Tham gia BHXH
260.554 người

= 43%

Lực lượng lao động



Tham gia BHYT
1.163.806 người

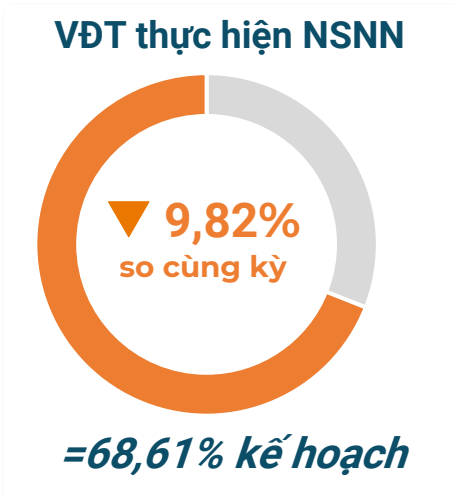
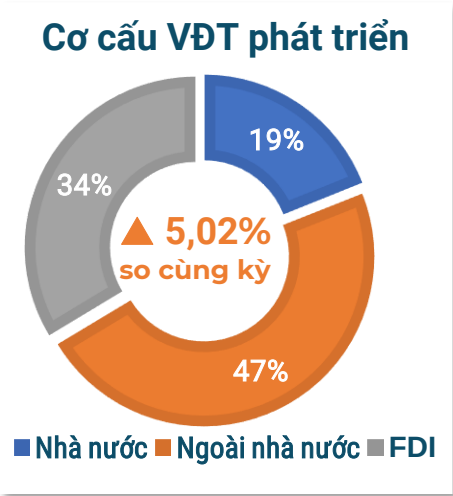
= 96%

Dân số

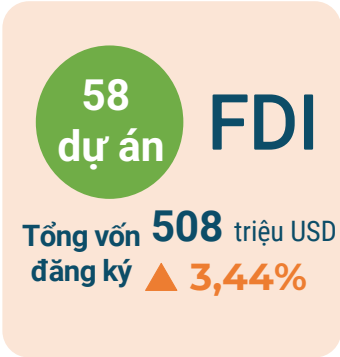


HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 9 tháng đầu năm 2024



Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và trong nước (DDI) tính đến 15/9/2024 so với cùng kỳ



Tình hình đăng ký doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2024



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Lao động việc làm quý III năm 2024



Lực lượng lao động

600,6 nghìn người ▼ 1,6%

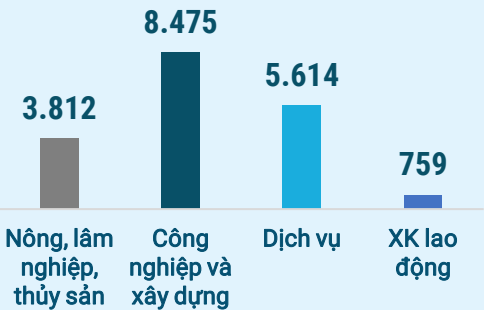


Lao động từ 15 tuổi
trở lên đang làm việc

582,6 nghìn người ▲ 2,05%

Giải quyết việc làm

Giải quyết cho **18.660** người
vượt 9,8% kế hoạch,
▲ 18,4% so cùng kỳ.



Một số chỉ tiêu xã hội



230 vụ

Tai nạn giao thông



07 vụ

Thiên tai



103 vụ

Cháy nổ



768 vụ

Vi phạm môi trường



CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC

Địa chỉ: 20 Lý Thái Tổ, Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3 861 139

Website: <https://www.thongkevinhphuc.gov.vn>

Email: vinhphuc@gso.gov.vn

Inforgraphic chỉ tiêu kinh tế - xã hội được phát hành kèm theo Báo cáo số 561/BC-CTK ngày 02/10/2024 của Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc.